

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ND**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS - PT
Ngày : 12 – 7 - 2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ND

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương;

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh ND.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 5 và ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh ND mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLPT-DS ngày 11-01-2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS – ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giao T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2022/QĐXX-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh ND;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh ND;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị N; sinh năm 1932; Địa chỉ: Ấp 6, xã NCT, huyện Tân P, tỉnh DN;

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 10C, phường Trung L, quận DD, thành phố HN;

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp 2, xã NCT, huyện Tân P, tỉnh DN;

4. Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp 2, xã NCT, huyện Tân P, tỉnh DN;

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 1, xã NCT, huyện Tân P, tỉnh ĐN;

6. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh NĐ;

7. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 6, thị trấn VA, huyện Vĩnh C, tỉnh ĐN;

8. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 6, thị trấn VA, huyện Vĩnh C, tỉnh ĐN;

9. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố LK, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh NĐ;

10. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Phúc L, xã Phúc T, huyện Lâm H, tỉnh LĐ;

11. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Phúc L, xã Phúc T, huyện Lâm H, tỉnh LĐ;

12. Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh NĐ;

13. Ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh NĐ;

14. Bà Đỗ Thị H; sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị P, bà Đỗ Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S1 là ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh NĐ (văn bản ủy quyền ngày 17-3-2020; 18-4-2022).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân C, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S; bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh NĐ (văn bản ủy quyền ngày 04-3-2019; 22-11-2020).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành N là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Ông N, ông Đ, ông V, ông H có mặt; bà P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17-12-2019, quá trình hòa giải, ông Nguyễn Thành N là nguyên đơn trong vụ án trình bày:

Ông nội ông là cụ Nguyễn Viết N sinh năm 1904 chết năm 1991 bà nội ông là cụ Đỗ Thị Y sinh năm 1907 chết năm 1984, ông bà nội ông sinh được hai người con trai là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1933 chết năm 1984 (là bố ông) và ông là ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1935 chết năm 2016 (là chú ruột ông). Sau khi lập gia đình bố ông ở với ông bà nội ông trên mảnh đất bà Phạm Thị P đang ở hiện

nay, còn chú ông là ông Nguyễn Văn N1 được ông bà nội cho nhà và đất ở riêng.

Mảnh đất của ông bà nội ông có diện tích khoảng 1.375m² tại Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T thuộc tờ bản đồ số 24 thửa số 24 (theo trích lục thửa đất của UBND thị trấn QL, thửa đất này đã được cấp sổ đỏ cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn N1 và bà Phạm Thị P, hiện nay bà P đang quản lý sử dụng). Khi còn sống ông bà nội ông nói “Từ căn nhà trở về phía trước là cho nhà ông, một phần phía sau cho ông N1”, việc này nhiều người lớn tuổi sống cạnh nhà và con cháu đều nghe. Năm 1972 căn nhà của ông bà nội ông bị Mỹ ném bom sập, bố mẹ ông đã làm lại để ông bà nội ông ở cùng. Sau khi bà nội ông và bố ông chết (năm 1984) mẹ và chị ông vẫn ở cùng để nuôi ông nội, đến năm 1988 ông nội bảo mẹ ông ra ở với các con còn giấy tờ cho đất mẹ ông và 5 chị em ông sẽ làm sau. Có lần ông nội nhờ ông M (hàng xóm) viết giấy cho đất các con cháu thì ông N1 chửi mắng ông M nên việc viết giấy cho đất không thành. Sau khi mẹ ông đi Miền Nam sinh sống cùng các con, ông N1 và bà P tự ý sang dỡ căn nhà của bố mẹ ông rồi đưa ông nội ông về ở cùng. Đến năm 1991 ông nội ông bị chết cháy (do nhà ông N1 bị cháy). Khi chết ông bà nội ông đều không để lại di chúc. Sau này ông mới biết ông N1 và bà P đã tự ý lập văn bản trái pháp luật để đăng ký toàn bộ phần đất của ông bà nội ông để lại.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao T giải quyết nếu văn bản của ông nội ông để lại cho ông N1 và bà P là đúng quy định của pháp luật thì ông không đòi hỏi gì cả còn nếu văn bản của ông nội ông để lại là giả mạo ông đề nghị Tòa án chia thừa đất của ông bà nội ông theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 11-3-2020, các văn bản khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, ông Nguyễn Tuấn Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị P và bà Đỗ Thị H trình bày: Ông bà nội ông là cụ Nguyễn Viết N và cụ Đỗ Thị Y ông bà nội sinh được hai người con trai là ông Nguyễn Văn N (là bố của Ông N) và ông Nguyễn Văn N1 (là bố ông). Được biết khi ông bà nội ông chết có để lại một thửa đất cho bố ông là ông Nguyễn Văn N1 và bố ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001 vì vậy Ông N không có quyền yêu cầu chia thừa đất của ông bà nội đã cho bố ông, nay Ông N khởi kiện, ông không nhất trí.

* Tại bản tự khai ngày 11-3-2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Công V trình bày: Ông Nguyễn Văn N1 là bố ông, ông được biết khi ông bà nội ông chết có để lại một thửa đất cho bố ông và bố ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001. Vì vậy Ông N không có quyền yêu cầu chia thừa đất của ông bà nội đã cho bố ông, nay Ông N khởi kiện, ông không nhất trí.

* Tại bản tự khai ngày 11-3-2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là con gái của ông Nguyễn Văn N1, ông bà nội bà chết có để lại thửa đất cho bố bà. Nay ông Nguyễn Thành N kiện mẹ bà để đòi lại thửa đất này nhưng thửa đất này bố bà đã cho các anh em bà nên Ông N không có quyền khởi kiện. Nếu Tòa án chia di sản của ông bà nội mà bà được hưởng thì phần diện tích được chia bà cho lại ông Nguyễn Văn H.

* Tại bản tự khai ngày 11-3-2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S1 trình bày: Bà là con gái của ông Nguyễn Văn N1, ông bà nội bà chết có để lại một thửa đất cho bố bà, khi bố bà chết thửa đất này cho các anh, em trai bà được sử dụng. Nay Ông N kiện mẹ bà đòi chia thửa đất này nhưng thửa đất này bố bà đã cho các anh em bà nên Ông N không có quyền khởi kiện. Nếu được chia di sản, bà từ chối nhận.

* Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2020 ông Nguyễn Thái H trình bày: Khi cụ Nguyễn Văn N và cụ Đỗ Thị Y là ông bà nội ông qua đời đã giao cho bố mẹ ông được thừa kế tài sản là thửa đất là 1300m². Trước năm 1991 khi cụ Nguyễn Văn N còn sống có gọi mẹ con bà Ngải sống trong Miền Nam, thời gian đó vào khoảng năm 1985 đất không có giá trị nên mẹ con bà Ngải không về, nên cụ Nhã đã giao toàn quyền cho ông N1. Khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N1 thì ông đã vào Miền Nam chỉ được nghe bố ông nói lại khi chuyển nhượng có khu phố và bà con thân thích chứng kiến. Nay Ông N khởi kiện bà Phạm Thị P, ông không đồng ý.

* Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai ngày 10-8-2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh B trình bày: Cụ Nguyễn Viết N và cụ Đỗ Thị Y qua đời có để lại một thửa đất nhưng do ông đi làm ăn xa nên không biết các cụ có để lại di chúc hay không. Hiện nay thửa đất trên do bà P và ông Đ quản lý. Nay Ông N khởi kiện bà P ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H, tỉnh LD người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S trình bày: ông bà là cháu nội của cụ Nguyễn Viết N và cụ Đỗ Thị Y. Chị em bà được biết ông bà nội có một lô đất tại Tổ dân phố LC, thị trấn QL khoảng hơn 1000m² trên đất trồng hoa màu, có một căn nhà trên đất hiện nay người canh tác sử dụng là ông Đ. Khi ông bà nội qua đời thì có viết di chúc để lại cho ông Nguyễn Văn N1 được hưởng toàn bộ thửa đất trên. Khoảng năm 2003 ông N1 bà P đã xây một căn nhà cấp 4 trên đất, đến năm 2013 bố mẹ đã cho ông Đ một phần diện tích đất khoảng 400m², năm 2018 ông Đ đã xây một căn nhà trên diện tích đất được cho, như vậy hiện nay có hai căn nhà cấp 4 trên đất ngoài ra không còn tài sản nào khác. Nay Ông N khởi kiện bà P đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế, bà Hồng có ý kiến nhường phần di sản được hưởng cho mẹ bà, còn ông Sinh chưa có quan điểm gì.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2020 người làm chứng là ông Nguyễn Văn Lịch trình bày: Ông không biết khi cụ Nhã chết có để lại di chúc không nhưng nguồn gốc đất của ông N1 đang ở là đất của cụ Nhã. Vợ chồng ông Nha ở cùng cụ Nhã cho đến khi ông Nha chết cụ Nhã vẫn ở cùng bà Ngải (vợ ông Nha) khi đó cụ Nhã có gọi bố ông và ông (hiện nay bố ông đã chết) đại diện họ nội chứng kiến việc cụ Nhã cho bà Ngải nhà và đất cụ đang ở (hiện nay thổ đất này là bà P và ông Đ đang ở). Thời điểm đó cụ Nhã có viết giấy cho bà Ngải toàn bộ nhà và đất hay không thì ông không nhớ. Bà Ngải nuôi cụ Nhã mấy năm thì đi vào Nam cùng con trai. Sau khi bà Ngải đi vào miền Nam thì ông N1 đón cụ Nhã về

nhà ông N1 ở và phá bỏ toàn bộ ngôi nhà mà cụ Nhã và bà Ngải ở.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2020 người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc Chuẩn trình bày: Ông không có mối quan hệ họ hàng gì với ông Nguyễn Văn N1 và bà Phạm Thị P ông chỉ là hàng xóm lân cận. Nội dung giấy giao tài sản do ông Nhã tự viết hay không thì ông không được biết. Khi ông N1 mang giấy sang cho ông xác nhận lúc đó cụ Nhã đang ốm không đi lại được, vì là hàng xóm lân cận ông có ghi vào giấy giao tài sản của cụ Nhã với nội dung tôi là Chuẩn lân cận nhận thực cái đơn cụ Nhã giao lại cho ông N1 là con trai thứ hai là đúng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2020 người làm chứng là ông Nguyễn Văn Thuận trình bày: Là quan hệ họ nội với ông Nguyễn Văn N1. Ông không biết cụ Nguyễn Viết N viết giấy giao tài sản cho ông Nguyễn Văn N1. Nội dung xác nhận trong giấy giao tài sản và nhận thực họ máu Nguyễn Văn Thuận không phải do ông viết, thời điểm đó ông đi làm vàng ở trong quân khu 7, cho nên ông không biết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2020 người làm chứng là ông Đoàn Trường trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng gì với ông N1 và bà P vào khoảng năm 1988 ông làm chánh văn phòng uỷ ban kiêm trưởng ban quản lý ruộng đất xã Giao Lâm (nay là thị trấn QL). Giấy giao tài sản này do ông Nguyễn Văn N1 con trai thứ hai của cụ Nguyễn Văn N mang đến cho ông xác nhận, thời điểm đó cụ Nhã đang ốm không đi lại được. Ông không khẳng định giấy này do cụ Nhã viết ông chỉ biết ông N1 mang đến cho ông xác nhận.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2020 bà Đỗ Thị Lan (tên thường gọi là bà Ái) trình bày: Bà không có mối quan hệ họ hàng gì với ông N1 và bà P. Nguồn gốc đất của ông N1 đang ở trước đây là của cụ Nhã (bố đẻ của ông Nha và ông N1). Theo bà được biết trước đây cụ Nhã có nói cho vợ chồng ông Nha thổ đất cụ đang ở, khi đó ông N1 đang ở thổ đất khác. Khi ông Nha chết trước cụ Nhã thì bà Ngải vợ ông Nha tiếp tục nuôi cụ Nhã sau đó mấy năm thì bà Ngải đi vào miền Nam với con thì ông N1 đón cụ Nhã về nhà ông N1 ở. Trước đây cụ Nhã nói cho đất ông Nha chỉ là nói miệng không có giấy tờ gì.

* Tại biên bản làm việc với ông Trần Văn Nhiệm tổ trưởng Tổ dân phố LC, thị trấn QL, ông Nhiệm cung cấp: Cụ Nguyễn Viết N và cụ Đỗ Thị Y sinh được hai người con trai là Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn N1. Khi vợ chồng cụ Nhã chết có để lại di chúc hay không thì ông không biết. Nhưng ông được biết khi ông Nha mất, ông Nguyễn Văn N1 và bà Phạm Thị P có viết giấy cho bà Trần Thị N (vợ ông Nha) diện tích đất là phía mặt đường ngang 18m chiều dài kéo hết thổ có xác nhận của ông Đặng Thanh N tổ trưởng tổ dân phố thời bấy giờ (hiện nay Ông N đang đi làm tự do ở Lạng Sơn). Tờ giấy viết về việc cho đất đó viết vào năm nào ông không nhớ rõ nhưng ông đã được xem tờ giấy đó, hiện nay tờ giấy đó do ai giữ thì ông không được biết.

* Kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản: Thửa đất thuộc tờ bản đồ số 24 số thửa 24 chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn N1. Phía Đông giáp đường dọc gồm 2 đoạn: Đoạn 1 dài 15,8m; đoạn 2 dài 2,8m. Phía Tây giáp thổ ông bà Kỳ dài 19,5m.

Phía Nam giáp đường liên xóm gồm 5 đoạn: Đoạn một dài 6 m; đoạn 2 dài 10 m; đoạn 3 dài 12.5m; đoạn 4 dài 28 m; đoạn 5 dài 17 m. Phía Bắc giáp thổ ông bà Mỹ gồm 4 đoạn: Đoạn 1 dài 11.3m; đoạn 2 dài 12.7m; đoạn 3 dài 24.48m; đoạn 4 dài 16.8m. Tổng diện tích của thửa đất là 1.288m² giá đất chuyển nhượng theo giá thị trường tại địa phương: là 1.500.000đ/1m²; Trên đất có xây dựng công trình nhà ở gồm nhà của bà Phạm Thị P và nhà của ông Nguyễn Tuấn Đ có trị giá là 660.360.000đồng (sáu trăm sáu mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

* Tại phiên toà ngày 05 tháng 5 năm 2022 ông Nguyễn Thành N đề nghị trưng cầu giám định vân tay của cụ Nguyễn Viết N. Tại bản kết luận giám định số 639/KL-KTHS ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh ND kết luận không đủ yếu tố giám định.

* Bản án sơ thẩm số 24/2021/DS – ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giao T đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N.

Giao ông Nguyễn Thành N được quyền sử dụng 214,6m² đất di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị Y để lại. Vị trí như sau: Phía Tây giáp thổ ông Kỳ (nối điểm 1 với điểm 15) dài 19,5m; Phía Nam giáp đường dong xóm (nối điểm 14 với điểm 15) dài 11,52m; Phía Đông giáp đất bà P được giao (nối điểm 2 với điểm 14) dài 17,8m; Phía Bắc giáp thổ bà Mỹ (nối điểm 1 với điểm 2) dài 11,52m.

Giao ông Nguyễn Tuấn Đ được quyền sử dụng 160,8m² đất di sản thừa kế của cụ Yên, và được quyền sử dụng 440m² do ông N1 bà P chuyển giao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 345967. Tổng cộng vợ chồng ông Nguyễn Tuấn Đ bà Đỗ Thị H được quyền sử dụng 600,8m² đất. Vị trí như sau: Phía Tây giáp đất bà P được giao (nối điểm 4 với điểm 12) dài 18,7m; Đông giáp đường dong xóm gồm 2 đoạn (đoạn 1: nối điểm 6 với điểm 7 dài 2,8 m, đoạn 2: nối điểm 7 với điểm 8 dài 15,8 m), tổng chiều dài phía Đông 18,6m; Phía Bắc giáp thổ bà Mỹ gồm 2 đoạn (đoạn 1: nối điểm 4 với điểm 5 dài 15,7m, đoạn 2: nối điểm 5 với điểm 6 dài 11,3m), tổng chiều dài phía Bắc 27m; Phía Nam giáp đường dong xóm gồm 4 đoạn (đoạn 1: nối điểm 8 với điểm 9 dài 6m, đoạn 2: nối điểm 9 với điểm 10 dài 10m, đoạn 3: nối điểm 10 với điểm 11 dài 12,5m, điểm 4: nối điểm 11 với điểm 12 dài 7m), tổng chiều dài phía Nam 35,5m.

Giao bà Phạm Thị P được quyền sử dụng 53,6m² đất di sản thừa kế của cụ Yên và được quyền sử dụng 419m² đất còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 345967 (sau khi đã chuyển giao cho ông Đ bà Huê 440m²). Tổng cộng bà P được quyền sử dụng 472,6m² đất. Vị trí như sau: Phía Tây giáp đất Ông N được giao (nối điểm 2 với điểm 14) dài 17,8m; Phía Nam giáp đường dong xóm gồm 2 đoạn (đoạn 1: nối điểm 12 với 13 dài 21m, đoạn 2: nối điểm 13 với 14 dài 5,48m), tổng chiều dài phía Nam 26,48m; Phía Bắc giáp thổ bà Mỹ gồm 2 đoạn (đoạn 1: nối điểm 2 với 3 dài 5,28m, đoạn 2: nối điểm 3 với 4 dài 21,4m), tổng

chiều dài phía Bắc dài 26,68m; Phía Đông giáp đất ông Đ bà Huê được giao (nối điểm 4 với 12) dài 18,7m; (có sơ đồ kèm theo).

Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Yến gồm những người sau: Ông Nguyễn Thái H số tiền 80.400.000đ (Tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng); ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Công V mỗi người số tiền 40.200.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 06-12-2021 của ông Nguyễn Thành N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 26-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện Giao T, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, Ông N không công nhận giấy giao tài sản ngày 30-3-1988, ông cho rằng tờ giấy này là giả mạo, ông không đồng ý Toà án cấp sơ thẩm giao diện tích 214,6 m² cho ông. Bà P và ông Đ xây nhà trên đất vườn là không hợp pháp đề nghị huỷ bản án sơ thẩm. Ông Nguyễn Tuấn Đ không chấp nhận lý do kháng cáo của Ông N, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Nguyễn Viết N và cụ Đỗ Thị Y để lại là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 24, diện tích hiện tại chỉ còn 1.288m². Cụ Nguyễn Viết N chết năm 1991, cụ Đỗ Thị Y chết năm 1984 đến khi khởi kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N là có căn cứ; xác định di sản thừa kế là 644m² đất của cụ Yến để lại chia cho các đồng thừa kế gồm là Cụ Nhã, ông Nha, ông N1 mỗi kỹ phần 214,6m² đất; xác định toàn bộ phần tài sản của cụ Nhã đã cho ông N1 là có hiệu lực pháp luật; về kỹ phần của ông Nha giao toàn cho Ông N tại vị trí giáp đất nhà ông Kỳ; kỹ phần của ông N1 giao toàn bộ cho ông Đ và ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác được hưởng đối với kỹ phần này bằng tiền theo giá thị trường là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy kháng cáo của Ông N là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành N làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Bà Phạm Thị P, bà Đỗ Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S1 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn Đ. Ông Nguyễn Xuân C, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S; bà Nguyễn Thị L đã ủy quyền cho ông Nguyễn Thành N tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ. Tòa án cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm như trong phần quyết định của bản án không tuyên về nghĩa vụ bàn giao tài sản cho Ông N.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thành N đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao T thì thấy: Xác định hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Viết N và cụ Đỗ Thị Y có hai người con là ông Nguyễn Văn N và ông là ông Nguyễn Văn N1. Hiện nay ông Nha và ông N1 đều đã chết nên những người thừa kế thế vị và thừa kế chuyển tiếp là vợ và các con của ông Nha và ông N1.

[4] Về di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Viết N và cụ Đỗ Thị Y có thừa đất diện tích khoảng 1.375m² gồm 1015m² đất vườn và 360m² đất ao (qua đo đạc thực tế diện tích còn 1.288m² diện tích đất bị giảm là do mở đường dọc xóm đã lấn vào) tại xã Giao Lâm nay là Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T thuộc tờ bản đồ số 24 thửa số 24 hai cụ chết để lại. Thừa đất này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã cấp GCNQSDĐ số S 345967 ngày 04-4-2001 cho hộ ông Nguyễn Văn N1.

[5] Xét di sản thừa kế: Thừa đất cụ Nhã, cụ Yên chết để lại, qua đo đạc thực tế, diện tích đất còn lại 1.288m², như vậy mỗi cụ có 644m² đất. Cụ Yên chết ngày 31-10-1984 không để lại di chúc nên phân diện tích đất của cụ Yên là di sản thừa kế sẽ được chia theo pháp luật.

[6] Xét phần di sản của cụ Đỗ Thị Y thì thấy: Cụ Yên chết không để lại di chúc, căn cứ các Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015, thì phần di sản của cụ Yên được chia thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Yên gồm cụ Nhã, ông Nha, ông N1 (là 3 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 644m²: 3 = 214,6m²). Vì ông Nha chết ngày 11-10-1984 (chết trước cụ Yên), căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì các con của ông Nha là bà Len, bà Sợi, bà Loan, ông Chinh, Ông N được hưởng thừa kế thế vị đối với kỷ phần của ông Nha. Ông N1 chết ngày 23-4-2016, căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự thì vợ ông N1 (bà P) và các con ông N1 là bà Mơ, bà Sen, ông H, ông Bình, bà Hồng, ông Sinh, ông V, ông Đ được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với kỷ phần ông N1 được hưởng từ cụ Yên. Vì vậy, các con ông Nha chỉ được hưởng một kỷ phần của cụ Yên là 214,6m².

[7] Xét phần di sản của cụ Nguyễn Viết N thì thấy: Giấy giao tài sản mang tên cụ Nhã do bị đơn xuất trình “Giấy giao tài sản cho con trai là Nguyễn Văn N1” ghi ngày 30-3-1988, trong giấy có ghi chữ ký xác nhận mang tên người giao tài sản là cụ Nguyễn Văn N ký và điểm chỉ; Ông N cho rằng ông N1, bà P đã lập di chúc

trái luật để chiếm đoạt di sản thừa kế của ông bà nội ông để lại, nhưng không chứng minh được giấy giao tài sản này là giả mạo. Giấy giao tài sản đã thể hiện được quyền được định đoạt (được bán) khi nào ông N1 không có điều kiện chăm sóc cụ Nhã từ năm 1988 cho đến khi nào cụ chết, trong giấy giao tài sản này đã nêu rất rõ ràng ông N1 có các quyền năng của người được sử dụng đất hợp pháp như (quản lý, sử dụng, định đoạt) khi có nhu cầu. Xét thấy: Qua lời khai của những người làm chứng đã xác nhận vào giấy giao tài sản đều không khẳng định việc cụ Nhã có viết giấy giao tài sản cho ông N1 hay không, mà chỉ khẳng định việc ông N1 đưa giấy này để họ chứng thực. Nhưng tại thời điểm chứng thực ông Đoàn Trường đang làm chánh văn phòng ủy ban kiêm trưởng ban quản lý ruộng đất xã Giao Lâm chứng thực và đóng dấu UBND, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Phần tài sản của cụ Nhã được xác định như sau 644m^2 + một kỷ phần cụ được hưởng thừa kế của Yên là $214,6\text{m}^2$ (do cụ Yên chết trước cụ Nhã) = $858,6\text{m}^2$. Do vậy xác định giấy giao tài sản này là có giá trị pháp lý đối với phần tài sản của cụ Nhã, nên xác định sau khi cụ Nhã chết không để lại di sản thừa kế, mà trước khi chết cụ Nhã đã tặng cho toàn bộ phần tài sản của mình cho ông N1.

[8] Xét kỷ phần của ông Nha diện tích $214,6\text{m}^2$: Bà Sợi, bà Loan, ông Chinh từ chối nhận, Ông N được bà Ngải, bà Len tặng cho kỷ phần của mình nên có căn cứ giao toàn bộ diện tích đất $214,6\text{m}^2$ được chia cho Ông N được quyền quản lý, sử dụng là phù hợp.

[9] Xét kỷ phần của ông N1 diện tích $214,6\text{m}^2$: Sẽ được chia cho 8 người gồm bà P và 7 người con, (vì bà Sen từ chối nhận di sản); nên mỗi người được $214,6\text{m}^2 : 8 = 26,8\text{m}^2$. Bà Mơ cho ông H, bà Hồng cho bà P. Xét thấy trong số các con ông N1 chỉ có ông Đ là người đang trực tiếp sử dụng sinh sống trên thửa đất, (những người khác đã lập nghiệp ở miền Nam hoặc đã có chỗ ở khác), bà P có nhà nhưng tại phiên tòa ông Đ trình bày nhà này là do ông bỏ tiền ra xây trên đất vợ chồng ông được cấp GCNQSDĐ để bố mẹ ông và vợ chồng con cái ông cùng ở; nay mỗi suất được chia diện tích $26,8\text{m}^2$ lên việc phân chia bằng hiện vật là không phù hợp. Nay giao bà P được trực tiếp sử dụng phần diện tích đất bà được hưởng thừa kế và phần diện tích đất bà Hồng cho; Giao ông Đ trực tiếp sử dụng diện tích đất được thừa kế và phần diện tích đất của các anh chị em còn lại và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền theo giá thị trường như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Đối với diện tích đất $858,6\text{m}^2$ của cụ Nhã cho ông N1, trong quá trình giải quyết vụ án vợ con ông N1 chỉ yêu cầu giải quyết di sản thừa kế của cụ Yên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này vợ con ông N1 có yêu cầu chia, sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[11] Xét về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N1 số S 345967 ngày 04-4-2001, trong đó có cả phần diện tích của cụ Yên, và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 766415 ngày 29-5-2014 cấp cho ông Nguyễn Tuấn Đ bà Đỗ Thị H, diện tích 440m^2 (tách trong diện tích đất tại GCNQSDĐ số S 345967). Về việc cấp Giấy chứng nhận toàn bộ thửa đất tranh chấp cho hộ ông N1, vợ chồng ông Đ, bà Huê: Như vậy, có diện tích đất của cụ Yên chia thừa kế nằm trong thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông N1, vợ

chồng ông Đ, bà Huê. Tuy nhiên, căn cứ theo Điều 106 Luật đất đai năm 2013 thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp để thực hiện việc chỉnh đốn, điều chỉnh cho phù hợp theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, không cần thiết xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông N1, vợ chồng ông Đ, bà Huê. Cần buộc bà P, vợ chồng ông Đ, bà Huê phải có trách nhiệm nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan quản lý đất đai của Nhà nước tại địa phương để điều chỉnh lại diện tích đất cho các bên được quyền sử dụng theo quyết định của bản án.

[12] Xét yêu cầu trưng cầu giám định vân tay của cụ Nguyễn Viết N. Tại bản kết luận giám định số 639/KL-KTHS ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh ND kết luận không đủ yếu tố giám định nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ông N cho là giấy giao tài sản ngày 30-3-1988 là giả mạo.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Ông N có đơn đề nghị xin nộp toàn bộ nên được chấp nhận (Ông N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 10.000.000đ, đã chi phí hết 8.272.000đ, số còn lại 1.728.000đ đã hoàn lại cho Ông N). Ông N đề nghị trưng cầu giám định vân tay nhưng không có cơ sở chấp nhận nên cần buộc Ông N phải nộp toàn bộ lệ phí theo quy định.

[14] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm Ông N cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của Ông N không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[15] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Thành N không được chấp nhận nên cần buộc Ông N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền Ông N đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000036 ngày 20-12-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao T, tỉnh ND sẽ được đối trừ vào số tiền án phí phúc thẩm Ông N phải nộp.

[16] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 468; Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành N.

2. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 26-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

3. Buộc bà Phạm Thị P, vợ chồng ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Đỗ Thị H trả lại diện tích đất 214,6m² tại thửa đất số 24, thuộc tờ bản đồ số 24 ở Tổ dân phố LC, thị trấn QL, huyện Giao T, tỉnh ND; có tứ cận: cạnh phía Tây giáp thổ ông Kỳ (nối điểm 1 với điểm 15) dài 19,5m; cạnh phía Nam giáp đường làng xóm (nối điểm 14 với điểm 15) dài 11,52m; cạnh phía Đông giáp đất bà P được giao (nối điểm 2 với điểm 14) dài 17,8m; cạnh phía Bắc giáp thổ bà Mỹ (nối điểm 1 với điểm 2) dài 11,52m. (có sơ đồ kèm theo).

4. Buộc bà Phạm Thị P phải có trách nhiệm nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn N1 số S 345967 ngày 04-4-2001. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Đ, bà Huệ số BP 766415 ngày 29-5-2014.

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký, làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

5. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Kiến nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyền thu hồi Giấy chứng nhận số S 345967 cấp ngày 04-4-2001 cho hộ Nguyễn Văn N1, số BP 766415 cấp ngày 29-5-2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Đỗ Thị H để điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật cho các đương sự.

7. Lệ phí giám định: Buộc ông Nguyễn Thành N phải nộp 810.000đ (tám trăm mười nghìn đồng), Ông N đã nộp đủ lệ phí giám định.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành N phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000036 ngày 20-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao T, tỉnh ND. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh ND;
- VKSND huyện Giao T;
- TAND huyện Giao T;
- Chi cục THADS huyện Giao T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Văn Tùng